

Thời gian báo cáo: Từ ngày 01/11/2018 đến 01/11/2018

Đơn vị: BV Đa Khoa Gia Đình

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 10/12/2018)

I - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

STT	Thông tin	Số lượng	Tỉ lệ
1	Tổng số mẫu	18	
2	Giới tính		
	Nam	8	
	Nữ	10	
	Nam/Nữ	0.80	
3	Phương pháp sinh		
	Sinh mổ	14	78%
	Sinh thường	4	22%
	N/A	0	00%
4	Tuổi mẹ khi sinh (Chi tiết tại Trang 2)		
	Dưới 18 tuổi	0	00%
	Từ 18 đến 35 tuổi	17	94%
	Trên 35 tuổi	1	06%
5	Sinh con thứ 3 trở lên (Dựa vào Para)		
	Sinh con thứ 3	0	00%
	Sinh con thứ 4	0	00%
	Sinh con thứ 5 trở lên	0	00%
6	Cân nặng trẻ (g)		
	< 2500	0	00%
	2500 ≤ X < 3000	5	28%
	3000 ≤ X < 3500	4	22%
	3500 ≤ X < 4000	8	44%
	4000 ≤ X < 5000	1	06%
	≥ 5000	0	00%
7	Gói xét nghiệm		
	2 bệnh	0	00%
	3 bệnh	0	00%
	5 bệnh	18	100%
	2 bệnh + Hemo	0	00%
	3 bệnh + Hemo	0	00%
	5 bệnh + Hemo	0	00%
8	Chương trình sàng lọc		
	Quốc gia	0	00%
	Xã hội hóa	18	100%
	Demo	0	00%

Thời gian báo cáo: Từ ngày 01/11/2018 đến 01/11/2018

Đơn vị: BV Đa Khoa Gia Đình

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 10/12/2018)

I - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

STT	Thông tin	Nguy cơ thấp L1 (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ cao L2 (Mẫu thu lần 1)	Tổng (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ thấp L2 (Mẫu thu lần 2)	Nguy cơ cao L2 (Mẫu thu lần 2)	Tổng (Mẫu thu lần 2)
1	Cân nặng trẻ (g)	18	0	18	0	0	0
	< 2500	0	0	0	0	0	0
	2500 ≤ X < 3000	5	0	5	0	0	0
	3000 ≤ X < 3500	4	0	4	0	0	0
	3500 ≤ X < 4000	8	0	8	0	0	0
	4000 ≤ X < 4500	1	0	1	0	0	0
	4500 ≤ X < 5000	0	0	0	0	0	0
	≥ 5000	0	0	0	0	0	0
2	Tuổi mẹ	18	0	18	0	0	0
	13	0	0	0	0	0	0
	14	0	0	0	0	0	0
	15	0	0	0	0	0	0
	16	0	0	0	0	0	0
	17	0	0	0	0	0	0
	18 ≤ X < 20	0	0	0	0	0	0
	20 ≤ X < 25	2	0	2	0	0	0
	25 ≤ X < 30	11	0	11	0	0	0
	30 ≤ X < 35	4	0	4	0	0	0
	35 ≤ X < 40	1	0	1	0	0	0
	40 ≤ X < 45	0	0	0	0	0	0
	≥ 45	0	0	0	0	0	0
3	Dân tộc	18	0	18	0	0	0
	Kinh	16	0	16	0	0	0
	Khác	2	0	2	0	0	0
	Ba na	0	0	0	0	0	0
	Bồ y	0	0	0	0	0	0
	Brâu	0	0	0	0	0	0
	Cao Lan	0	0	0	0	0	0
	Chăm	0	0	0	0	0	0
	Chơ ro	0	0	0	0	0	0
	Chu ru	0	0	0	0	0	0
	Chứt	0	0	0	0	0	0
	Cill	0	0	0	0	0	0
	Co	0	0	0	0	0	0

	Cơ ho	0	0	0	0	0	0
	Cờ lao	0	0	0	0	0	0
	Cổng	0	0	0	0	0	0
	Dao	0	0	0	0	0	0
	Ê đê	0	0	0	0	0	0
	Gia rai	0	0	0	0	0	0
	Giấy	0	0	0	0	0	0
	Gié triêng	0	0	0	0	0	0
	H mông	0	0	0	0	0	0
	H rê	0	0	0	0	0	0
	Hà nhì	0	0	0	0	0	0
	Hoa	0	0	0	0	0	0
	K tu	0	0	0	0	0	0
	Kháng	0	0	0	0	0	0
	Khơ me	0	0	0	0	0	0
	Khơ mú	0	0	0	0	0	0
	La chí	0	0	0	0	0	0
	La ha	0	0	0	0	0	0
	La hù	0	0	0	0	0	0
	Lào	0	0	0	0	0	0
	Lô lô	0	0	0	0	0	0
	Lự	0	0	0	0	0	0
	M nông	0	0	0	0	0	0
	Mạ	0	0	0	0	0	0
	Măng	0	0	0	0	0	0
	Mường	0	0	0	0	0	0
	Ngái	0	0	0	0	0	0
	Nùng	0	0	0	0	0	0
	Ơ đu	0	0	0	0	0	0
	Pà thên	0	0	0	0	0	0
	Phù lá	0	0	0	0	0	0
	Pu péo	0	0	0	0	0	0
	Rag lai	0	0	0	0	0	0
	Rơ man	0	0	0	0	0	0
	Sán chay	0	0	0	0	0	0
	Sán diu	0	0	0	0	0	0
	Si la	0	0	0	0	0	0
	Tà ôi	0	0	0	0	0	0
	Tày	0	0	0	0	0	0
	Thái	0	0	0	0	0	0
	Thổ	0	0	0	0	0	0
	Vân kiều	0	0	0	0	0	0

X tiếng	0	0	0	0	0	0
Xinh mun	0	0	0	0	0	0
Xơ dăng	0	0	0	0	0	0

BÁO CÁO THÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

Thời gian báo cáo: Từ ngày 01/11/2018 đến 01/11/2018.

Đơn vị: BV Đa Khoa Gia Đình

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 10/12/2018.

III - BÁO CÁO KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

STT	Thông tin	Số lượng		
1	Tỷ lệ thu lại mẫu lần 2			
	Mẫu cần thu lại lần 2 (Kết quả NCC lần 1)	0		
	Mẫu đã thu lại lần 2	0		
	Mẫu chưa thu lại lần 2	0		
1	Kết quả Sàng lọc sơ sinh	Mẫu nguy cơ cao lần 1 (Chưa được thu lại mẫu)	Mẫu thu lại lần 2	
			Nguy cơ cao	Nguy cơ thấp
	G6PD	0	0	0
	CH	0	0	0
	CAH	0	0	0
	PKU	0	0	0
	GAL	0	0	0
	HEMO	0	0	0